

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17 /2009/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 06 tháng 11 năm 2009

BỘ CÔNG THƯƠNG

ĐẾN

Số: 7001  
Ngày: 12/11/09

Chuyên: .....

**khuyến khích phát triển nghề, làng nghề trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v ban hành Quy định một số chính sách

CHỨC CN ĐỊA PHƯƠNG

ĐẾN

Số: 3283  
Ngày: 23/11/09

Chuyên: .....

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ quy định một số nội dung và chính sách phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg ngày 24/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn;

Xét đề nghị của sở Công Thương tại Tờ trình số 71/TTr-SCT ngày 29/9/2009,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nghề, làng nghề trên địa bàn tỉnh Thái Bình”.

**Điều 2.** Giao sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn thi hành Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 30/2006/QĐ-UBND ngày 31/3/2006 của UBND tỉnh Thái Bình về việc ban hành quy định một số cơ chế chính sách phát triển nghề và làng nghề trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; các Giám đốc sở, Thủ trưởng ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hạnh Phúc**

**QUY ĐỊNH**

**Một số chính sách khuyến khích phát triển nghề, làng nghề  
trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2009 /QĐ-UBND ngày 06 /11 /2009  
của UBND tỉnh Thái Bình)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục tiêu phát triển nghề và làng nghề**

1. Giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cho người lao động, góp phần đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

2. Bảo tồn, phát triển nghề, làng nghề theo hướng nâng cao qui mô, chất lượng, hiệu quả làng nghề và bảo vệ môi trường.

**Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này áp dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh tại khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh bao gồm:

- Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

- Hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã;

- Hộ kinh doanh cá thể hoạt động theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh.

b) Các làng nghề, xã nghề.

**Điều 3. Lĩnh vực, ngành nghề khuyến khích phát triển**

1. Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.

2. Sản xuất sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu, sản phẩm thân thiện với môi trường.

3. Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động.

4. Sản xuất sản phẩm phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

5. Sản xuất các sản phẩm đồ gỗ mỹ nghệ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, thêu, thảm, giày, dép.

6. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ khác.

7. Dịch vụ tiêu thụ sản phẩm làng nghề.

8. Các lĩnh vực ngành nghề khác phù hợp với qui hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh và được khuyến khích theo qui định của UBND tỉnh.

## **Chương II**

### **CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI**

#### **Điều 4. Hỗ trợ đầu tư**

Tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển nghề và làng nghề ở nông thôn được UBND tỉnh xem xét hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay của các tổ chức tín dụng (từ nguồn vốn ngân sách tỉnh) cho đầu tư mở rộng sản xuất và đầu tư cơ sở sản xuất mới. Thời gian hỗ trợ không quá 3 năm đối với cho vay dài hạn kể từ ngày vay vốn. Đối với khoản vay đã được hỗ trợ lãi suất theo chính sách kích cầu của Chính phủ thì chỉ được hỗ trợ phần chênh lệch lãi suất còn lại (nếu có).

#### **Điều 5. Ưu đãi về hạ tầng kỹ thuật**

1. Các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp thuộc làng nghề được ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí san lấp mặt bằng với mức 20.000 đồng cho một mét vuông trên diện tích đất thuê.

2. Hỗ trợ đầu tư hệ thống xử lý nước thải trong cụm công nghiệp:

Đơn vị kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp hoặc một (01) doanh nghiệp trong cụm công nghiệp (trường hợp không có đơn vị kinh doanh hạ tầng) đầu tư hệ thống xử lý nước thải chung cho cụm công nghiệp (phục vụ cho làng nghề) được Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% vốn đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải (theo thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt) và 100% lãi suất cho 50% vốn đầu tư còn lại trong thời hạn 3 năm kể từ ngày vay vốn.

#### **Điều 6. Hỗ trợ nâng cao chất lượng sản phẩm làng nghề**

Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong làng nghề (nhất là làng nghề truyền thống) đầu tư dây chuyền sản xuất mới, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm được UBND tỉnh xét hỗ trợ một phần kinh phí từ nguồn vốn khuyến công, mức hỗ trợ một lần không quá 100 triệu đồng.

#### **Điều 7. Lao động, đào tạo**

Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong làng nghề đầu tư mở rộng, đầu tư mới có sử dụng lao động phải đào tạo được UBND tỉnh xem xét hỗ trợ một lần kinh phí đào tạo cho số lao động mới. Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp, mức hỗ trợ từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng/người/khóa học, tùy theo tính chất ngành nghề, từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh.

#### **Điều 8. Hỗ trợ quảng cáo, xúc tiến thương mại**

1. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong làng nghề khi tham gia hội chợ, triển lãm được hỗ trợ 50% tiền thuê diện tích gian hàng tại hội chợ, triển lãm ở tỉnh ngoài; từ 20% đến 30% (tùy từng thị trường) tiền thuê diện tích gian hàng tại hội chợ, triển lãm ở nước ngoài, từ nguồn vốn khuyến công, khuyến thương của tỉnh.

2. Hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất làng nghề 100% kinh phí quảng bá sản phẩm trên Website của tỉnh và của sở Công Thương, từ nguồn vốn khuyến thương của tỉnh.

3. Hỗ trợ kinh phí xây dựng, đăng ký thương hiệu sản phẩm làng nghề (thương hiệu chung); mức hỗ trợ không quá 35 triệu đồng cho một thương hiệu từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh.

4. Các xã có làng nghề truyền thống, xã nghề khi xây dựng biển quảng bá làng nghề được hỗ trợ không quá 50 triệu đồng cho UBND xã từ nguồn vốn khuyến công của tỉnh.

5. Các tổ chức hội ngành nghề (thành lập theo qui định của pháp luật) ở các xã có làng nghề truyền thống, gắn với tuyến du lịch, được hỗ trợ xây dựng một nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm. Mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng cho một xã từ ngân sách tỉnh.

6. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong làng nghề tham gia xúc tiến thương mại khai thác được thị trường mới có kim ngạch xuất khẩu năm đầu (thị trường mới) đạt từ 1 triệu USD trở lên, được UBND tỉnh xem xét hỗ trợ kinh phí xúc tiến thương mại; mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng từ nguồn vốn khuyến thương của tỉnh (hỗ trợ một lần).

### **Điều 9. Khen thưởng làng nghề**

1. Tổ chức, cá nhân trong làng nghề nếu du nhập nghề mới từ ngoài tỉnh (thuộc lĩnh vực, ngành nghề khuyến khích qui định tại Điều 3 của Quy định này) có quy mô sử dụng từ 100 lao động trở lên, thời gian ổn định từ 2 năm trở lên, được UBND huyện, thành phố đề nghị, UBND tỉnh tặng bằng khen và thưởng 10 triệu đồng, từ nguồn vốn khuyến công của tỉnh.

2. Phát triển được một làng nghề có nghề mới từ ngoài tỉnh (thuộc lĩnh vực, ngành nghề khuyến khích qui định tại Điều 3 của Quy định này), đủ tiêu chuẩn được UBND tỉnh cấp bằng công nhận làng nghề và thưởng 20 triệu đồng, từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh.

3. Các xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn, làng nghề, xã nghề được UBND tỉnh cấp bằng công nhận và thưởng 5 triệu đồng cho làng nghề, 25 triệu đồng cho xã nghề, từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ngành liên quan và UBND các cấp**

1. Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc xét duyệt, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ các ưu đãi cho các tổ chức, cá nhân nêu tại Quy định này.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương ban hành các văn bản hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện cấp phát, thanh quyết toán trong Quy định này theo chế độ quản lý tài chính hiện hành.

3. Cục Thuế tỉnh hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong làng nghề, cụm công nghiệp phục vụ làng nghề làm thủ tục để hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, tiền thuê đất theo qui định của pháp luật.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có kế hoạch bố trí kinh phí từ Quỹ quốc gia về việc làm để hỗ trợ cho việc đào tạo, dạy nghề, truyền nghề của các tổ chức chính trị, xã hội khác.

5. Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng quy hoạch vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất ngành nghề ở nông thôn.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các tổ chức, các nhân thực hiện việc giao đất, thuê đất theo qui định của pháp luật.

7. Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh chỉ đạo các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong làng nghề, cụm công nghiệp phục vụ làng nghề vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh.

8. Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố trong phạm vi chức năng quyền hạn được giao, tổ chức thực hiện các nội dung tại bản Quy định này.

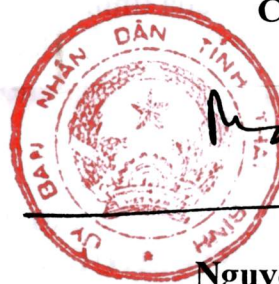
9. UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm tổ chức phát triển nghề, làng nghề ở địa phương; phân công 01 đồng chí lãnh đạo, 01 đồng chí cán bộ khuyến công viên, trực tiếp phụ trách, theo dõi công tác phát triển nghề, làng nghề.

#### **Điều 11. Điều khoản thi hành**

1. Các lĩnh vực ưu đãi liên quan đến phát triển nghề, làng nghề không nêu trong Quy định này được áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định khác của UBND tỉnh.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn, các tổ chức, cá nhân sản xuất trong làng nghề, phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hạnh Phúc**